

DANH SÁCH - BẢNG ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN NGÀY 26/07/2025

PHÒNG THI B112 - GIỜ THI: 18H00

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
1	Nguyễn Huy	Hoàng	15/12/2004	Phú Yên	22211DC2128	CD22DC1	63	41	330	160	490	B112
2	Nguyễn Thanh	Hoàng	29/03/2002	Bình Thuận	20211LG1918	CD20LG1	50	23	250	45	295	B112
3	Trần Thái	Hoàng	20/09/2002	Đồng Nai	20211TT1572	CD20TT3	31	52	135	225	360	B112
4	Trần Huy	Hoàng	03/11/2004	Ninh Thuận	22211DK4447	CD22DK2	39	70	180	335	515	B112
5	Nguyễn Thái	Học	28/09/2004	Gia Lai	22211DH3753	CD22DH2	33	71	145	340	485	B112
6	Trần Minh	Hội	04/03/2004	Phú Yên	22211OT1931	CD22OT18	43	29	200	85	285	B112
7	Phạm Huỳnh	Huế	31/10/2003	Trà Vinh	22211TT1457	CD22TT2	46	26	220	65	285	B112
8	Thành Thị Xuân	Huệ	02/05/2005	Ninh Thuận	23211KD4249	CD23KD1	39	30	180	90	270	B112
9	Lê Thị	Huệ	09/11/2001	An Giang	21211TM3099	CD21TM1	42	44	195	175	370	B112
10	Nguyễn Hoàng	Hùng	23/10/2003	TP. HCM	23211OT0246	CD23OT1	45	45	215	180	395	B112
11	Ngô Quốc	Hùng	06/03/2003	Bình Thuận	22211OT0260	CD22OT1	43	19	200	25	225	B112
12	Hoàng Mạnh	Hùng	18/09/2002	Hà Tĩnh	22211OT1541	CD22OT5	68	30	365	90	455	B112
13	Nguyễn Phi	Hùng	18/03/2001	Đồng Nai	22211DH0771	CD22DH1	49	32	245	100	345	B112
14	Trần Hải	Hùng	15/02/2002	Phú Yên	20211DC3694	CD20DC3	55	48	280	200	480	B112
15	Lê Tấn	Hưng	29/09/2004	Bình Định	23211LH3619	CD23LH1	47	24	230	50	280	B112
16	Trần Thanh	Hữu	15/06/2002	Bình Định	22211DC2675	CD22DC2	44	24	210	50	260	B112
17	Phan Văn Phát	Huy	09/12/2004	Long An	22211OT3236	CD22OT13	31	26	135	65	200	B112
18	Nguyễn Đức	Huy	17/06/2006	Đồng Nai	24211LG3297	CD24LG3	24	44	95	175	270	B112
19	Trần Vương Gia	Huy	07/12/2001	Đồng Nai	19211DC1755	CD19DC1	26	25	110	60	170	B112
20	Huỳnh Thanh	Huy	30/04/2004	Bình Định	22211CK2767	CD22CK2	27	27	115	70	185	B112
21	Huỳnh Nguyễn Nhật	Huy	16/01/2005	An Giang	23211DC1538	CD23DC2	42	28	195	80	275	B112
22	Mai Xuân	Huy	27/05/2000	Bình Dương	21211CD0336	CD21CD1	49	1	245	5	250	B112

STT	HỌ TÊN LÓT	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	SỐ CÂU ĐÚNG (NGHE)	SỐ CÂU ĐÚNG (ĐỌC)	ĐIỂM TOEIC (NGHE)	ĐIỂM TOEIC (ĐỌC)	TỔNG ĐIỂM TOEIC	PHÒNG THI
23	Đỗ Tấn	Huy	21/07/2005	Bình Định	23211OT1842	CD23OT7	56	24	290	50	340	B112
24	Nguyễn Thị Thuê	Huy	15/02/2005	Gia Lai	23211LG2679	CD23LG2	49	25	245	60	305	B112
25	Trương Hoàng	Huy	29/06/2005	Đồng Nai	23211TT0546	CD23TT6	58	40	300	150	450	B112
26	Nguyễn Giang	Huy	07/06/2004	Ninh Thuận	22211CD2232	CD22CD1	63	38	330	140	470	B112
27	Dương Công	Huy	30/01/2003	TP. HCM	21211CD5098	CD21CD1	56	39	290	145	435	B112
28	Phan Văn	Huy	16/10/2002	Bình Định	20211DC1998	CD20DC3	62	45	325	180	505	B112
29	Phan Thị Bích	Huyền	15/02/2005	Bình Thuận	23211LG0477	CD23LG1	62	37	325	130	455	B112
30	Trần Lê	Huỳnh	25/04/2004	Cà Mau	22211OT0679	CD22OT1	61	33	320	110	430	B112
31	Võ Đình Minh	Hy	19/05/2004	Bình Thuận	22211DK1684	CD22DK1	62	57	325	255	580	B112
32	Phạm Kinh	Kha	24/01/2002	Sóc Trăng	20211OT3900	CD20OT1	54	33	275	110	385	B112
33	Nguyễn Đào Đăng	Kha	03/11/2003	Ninh Thuận	21211OT0510	CD21OT14	27	31	115	95	210	B112
34	Phan Văn	Khải	01/07/2004	Bình Định	22211DK1072	CD22DK1	28	41	120	160	280	B112
35	Đoàn Tuấn	Khang	04/08/2003	Đồng Nai	22211CK1247	CD22CK2	27	41	115	160	275	B112
36	Nguyễn Thế	Khang	22/10/2003	Bình Định	21211TT1626	CD21TT4	25	47	100	195	295	B112
37	Trương Duy	Khánh	04/04/1999	Bình Thuận	20211QT4118	CD20QT4	36	34	165	115	280	B112
38	Trần Đình	Khánh	12/02/2004	Đắk Lắk	23211QT1851	CD23QT1	34	31	150	95	245	B112
39	Nguyễn Quốc	Khánh	21/11/2004	Cần Thơ	22211OT3410	CD22OT14	54	35	275	120	395	B112
40	Đặng Duy	Khánh	21/02/2004	TP. HCM	22211CK1658	CD22CK1	46	37	220	130	350	B112